

Số: /BC-VP

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023**

Thực hiện Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 495/UBND-TTHC ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Văn phòng UBND tỉnh (*Văn phòng*) báo cáo việc thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm 2023, như sau:

**I. Về công tác chỉ đạo, điều hành**

**1. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

Văn phòng đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kịp thời, đầy đủ các kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2023, trong đó, tập trung đến công việc đẩy mạnh cải cách TTHC, như: Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 30/01/2023 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 13/02/2023 kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 15/02/2023 về truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, như: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (*Công văn số 6445/UBND-TTHC ngày 19/12/2022*); thực hiện thông báo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (*Công văn số 6490/UBND-TTHC ngày 21/12/2022*); chấn chỉnh hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa tại UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (*Công văn số 6538/UBND-TTHC ngày 23/12/2022*); về việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh (*Công văn số 495/UBND-TTHC ngày 14/02/2023*); chấn chỉnh hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC không thông qua Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC (*Công văn số 1220/UBND-TTHC ngày 24/3/2023*); phối hợp làm sạch thông tin công dân trong việc triển khai Đề án 06 (*Công văn số 1219/UBND-TTHC ngày 24/3/2023*); triển khai cài đặt VneID và định danh điện tử mức 2 (*Công văn số 1783/UBND-TTHC ngày 21/4/2023*)...

## **2. Công tác chỉ đạo, điều hành của Văn phòng UBND tỉnh**

Để triển khai thực hiện công tác CCHC, công tác kiểm soát TTHC năm 2023 theo các kế hoạch, quyết định của tỉnh và cơ quan, Văn phòng đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, điều hành nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại cơ quan, như: Kế hoạch số 2374/KH-VP ngày 29/12/2022 về kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; Chương trình công tác năm 2023 để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính (*Quyết định số 06/QĐ-VP ngày 13/01/2023*); Kế hoạch số 254/KH-VP ngày 24/02/2023 về công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023 tại Văn phòng UBND tỉnh; thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 13/QĐ-VP ngày 23/3/2023*)...

## **3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của Văn phòng**

Qua rà soát, các nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng đầu năm của Kế hoạch CCHC năm 2023 của Văn phòng đã được thực hiện đầy đủ, hoàn thành theo tiến độ đề ra, cụ thể:

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát TTHC; kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh (*đã nêu cụ thể tại khoản 1 Mục này*).

b) Các văn bản Văn phòng đã ban hành:

- Các Quyết định: Quy chế chi tiêu nội bộ (*Quyết định số 16/QĐ-VP ngày 20/02/2023*); Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban, đơn vị (*Quyết định số 17/QĐ-VP ngày 28/02/2023*); Quy chế làm việc của Văn phòng (*Quyết định số 18/QĐ-VP ngày 28/02/2023*); Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công báo và Tin học (*Quyết định số 26/QĐ-VP ngày 31/3/2023*); Phân công nhiệm vụ lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh (*Quyết định số 36/QĐ-VP ngày 04/5/2023*).

- Các Kế hoạch: Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 (*Kế hoạch số 71/KH-VP ngày 13/01/2023*); Theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 (*Kế hoạch số 116/KH-VP ngày 02/02/2023*); Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2023 (*Kế hoạch số 82/KH-VP ngày 16/01/2023*); Công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023 tại Văn phòng; Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 (*Kế hoạch số 223/KH-VP ngày 21/02/2023*); Chuyển đổi vị trí công tác (*Kế hoạch số 476/KH-VP ngày 30/3/2023*); Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động năm 2024 (*Kế hoạch số 522/KH-VP ngày 05/4/2023*).

## **II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính**

### **1. Cải cách thể chế**

a) Văn phòng đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh ban hành 23 văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2023 và Quý I, II/2023 của UBND tỉnh để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2022 (*Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 17/01/2023*).

b) Ban hành: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (*Kế hoạch số 116/KH-VP ngày 02/02/2023*) và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra bắt đầu từ Quý II/2023; Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2023 (*Kế hoạch số 82/KH-VP ngày 16/01/2023*) và Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 của Văn phòng (*Kế hoạch số 450/KH-VP ngày 27/3/2023*) và thực hiện rà soát văn bản QPPL theo kế hoạch đề ra.

c) Đã lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh (*Công văn số 1799/UBND-NC ngày 21/4/2023*).

d) Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quan trọng do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong lĩnh vực kiểm soát TTHC; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*đã nêu cụ thể tại khoản 1, 2 Mục I Báo cáo này*).

## **2. Kết quả thực hiện cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

### **a) Công bố, công khai minh bạch TTHC:**

Trong 06 tháng đầu năm 2023, Văn phòng đã phối hợp với các Sở tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 20 Quyết định công bố Danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các Sở, ban ngành, trong đó có 29 TTHC mới ban hành, 84 TTHC sửa đổi, bổ sung, 33 TTHC bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các Sở, ban ngành.

### **b) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:**

#### **\* Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp**

##### **- Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh**

+ Trong 06 tháng đầu năm, hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm luôn giữ được sự ổn định, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, được tổ chức, công dân đánh giá hài lòng cao. Đặc biệt chú trọng kiểm tra, giám sát quá trình giao dịch TTHC giữa tổ chức, cá nhân và công chức, viên chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả một cách chặt chẽ.

+ Thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021, chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025 của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 13/9/2022 và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi tại Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020; từ ngày 03/4/2023, Văn phòng UBND tỉnh triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết TTHC tại Trung tâm, qua đó giúp cho việc giải quyết TTHC diễn ra nhanh chóng, hiệu quả.

+ Tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị: VNPT, Viettel để tiến hành thử nghiệm nền tảng trợ lý ảo (*triển khai thử nghiệm Hệ thống VNPT Chatbot tích hợp vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (igate 2.0) của tỉnh; Triển khai thử nghiệm Tổng đài Calbot của Viettel để giải đáp ý kiến phục vụ cho người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh*), góp phần nâng cao công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

#### **- Cấp huyện, cấp xã**

+ Qua theo dõi, thống kê trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, tình hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện tốt; tỷ lệ hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn đạt tỷ lệ cao.

+ Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã có sự cải thiện đáng kể, nhất là các hồ sơ nộp trực tuyến thông qua ứng dụng được xây dựng trên thiết bị di động (smartphone) đối với 03 thủ tục: Thông báo hoạt động khuyến mại (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương*), Đăng ký thành lập hộ kinh doanh, Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện*). Nhiều địa phương thực hiện đạt cao hơn chỉ tiêu được Chủ tịch UBND tỉnh giao, tiêu biểu như UBND các huyện, thị xã, thành phố: Đức Phổ, Bình Sơn, Mộ Đức, Quảng Ngãi, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Minh Long, Lý Sơn... Trong đó, nhiều địa phương đã hoàn thành sớm mục tiêu không còn tiếp nhận hồ sơ giấy, chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến.

#### **\* Kết quả thực hiện nhiệm vụ số hóa TTHC**

Tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả việc số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

#### **\* Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC**

- Thực hiện tốt việc kiểm tra, theo dõi, đôn đốc hoạt động tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tại Trung tâm; trong 6 tháng đầu năm 2023, số lượng hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm của 20 cơ quan, đơn vị là **56.703** hồ sơ, đã giải quyết **53.503** hồ sơ, đang giải quyết **3.200** hồ sơ, trong đó:

+ Các sở, ngành tiếp nhận 42.627 hồ sơ, đã giải quyết 40.927 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 40.887 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,9%; trễ hạn: 40 hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 0,1%; đang giải quyết 1.700 hồ sơ.

+ Hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi: Tiếp nhận 14.076 hồ sơ, đã giải quyết 11.876 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 10.937 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 92%; trễ hạn 939 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 8%; đang giải quyết 2.200 hồ sơ.

- Thực hiện thông báo hơn 25.500 tin nhắn SMS mời người dân, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết trước hạn góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp đi lại nhiều lần; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số 17.053 hồ sơ.

- Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến tại Trung tâm trong 06 tháng đầu năm đạt bình quân 66%/tổng hồ sơ tiếp nhận mới, với hơn 29.084 hồ sơ được tiếp nhận, qua đó giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhanh chóng, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại. Một số cơ quan có tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến cao như các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch 100%; Thông tin và Truyền thông 100%; Sở Công Thương 96,5%; Tư pháp 92,6%; Sở Xây dựng 91,8%; Công an tỉnh 100%; Bảo hiểm Xã hội tỉnh 99,3%.

- Trong 06 tháng đầu năm, tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh thanh toán trực tuyến hơn 12 tỷ đồng với 8.500 giao dịch, qua đó giúp tỉnh Quảng Ngãi nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có thứ hạng cao về thanh toán trực tuyến trong cả nước.

- Có 10.140 hồ sơ được nộp và trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân, giúp tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân.

**\* Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định hành chính**

Trong 06 tháng đầu năm 2023, Văn phòng tiếp nhận 152 phản ánh kiến nghị về TTHC, trong đó có 09 phản ánh, kiến nghị của công dân qua đơn thư, 93 phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ thuộc Cổng Dịch vụ công Quốc gia, 50 phản ánh được tiếp nhận thông qua đường dây nóng và trực tiếp tại trụ sở. Các phản ánh của công dân đều đã được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

**\* Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm**

Tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng và mức độ rất hài lòng của tổ chức, công dân khi đến thực hiện TTHC tại Trung tâm luôn đạt trên 99,8% với hơn 14.390 lượt đánh giá.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy**

a) Năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh được giao 61 biên chế công chức và 16 người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập; đến nay thực hiện 60 biên chế công chức, 14 biên chế sự nghiệp.

b) Trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Văn phòng (*Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 26/12/2022*).

c) Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc (*Quyết định số 17/QĐ-VP ngày 28/02/2023*), Quy chế làm việc của Văn phòng (*Quyết định số 18/QĐ-VP ngày 28/02/2023*); Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công báo và Tin học (*Quyết định số 26/QĐ-VP ngày 31/3/2023*); Phân công nhiệm vụ lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh (*Quyết định số 36/QĐ-VP ngày 04/5/2023*).

- Thực hiện phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức và người lao động (*Quyết định số 05/QĐ-VP ngày 11/01/2023*); phân bổ số lượng người làm việc cho Trung tâm Công báo và Tin học (*Quyết định số 02/QĐ-VP ngày 05/01/2023*).

#### **4. Cải cách chế độ công vụ, công chức**

a) Hoàn thành việc nhận xét, đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động Văn phòng UBND tỉnh năm 2022 (*Công văn số 2248/VP-HCQT và Công văn số 2255/VP-HCQT cùng ngày 15/12/2022*).

b) Ban hành Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023 (*Kế hoạch số 414/KH-VP ngày 22/3/2023*). Trên cơ sở đó, Văn phòng đã đăng ký, cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 01 viên chức tham gia học lớp cao cấp lý luận chính trị; 01 công chức và 01 viên chức tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; 02 công chức tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính.

c) Ban hành Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2023 (*Kế hoạch số 476/KH-VP ngày 30/3/2023*) và thực hiện điều động, chuyển đổi vị trí đối với 02 công chức.

c) Thực hiện ra thông báo, quyết định nghỉ hưu đối với 01 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (*Thông báo số 227/TB-VP ngày 21/02/2023 và Quyết định số 46/QĐ-VP ngày 6/6/2023*). Tiếp nhận 01 công chức về làm việc tại Văn phòng. Thực hiện nâng lương thương xuyên, nâng lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động của Văn phòng.

d) Về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nêu cao tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đảng viên, công chức, viên chức và người lao động gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và việc thực hiện Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi (*thông qua việc ban hành Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức Văn phòng UBND tỉnh năm 2022; Thông báo kết luận các cuộc họp giao ban định kỳ của Văn phòng UBND tỉnh*). Qua kiểm tra chưa có công chức, viên chức, người lao động nào của Văn phòng vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

#### **5. Cải cách tài chính công**

a) Thực hiện công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng (*Quyết định số 153/QĐ-VP ngày 28/12/2022*). Báo cáo tình hình quản lý

sử dụng tài sản công (*Công văn số 286/VP-HCQT ngày 28/02/2023*), tình hình tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng (*Công văn số 239/VP-HCQT ngày 23/02/2023*)...

b) Thực hiện hoàn thành việc mua sắm, sửa chữa và thanh toán kinh phí theo dự toán, kế hoạch năm 2022; triển khai các nội dung theo dự toán năm 2023, như: đăng ký mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản năm 2023; chi hoạt động trong dịp Tết dương lịch, Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; các hoạt động trong 6 tháng đầu năm của UBND tỉnh và Văn phòng.... Thực hiện tiết kiệm kinh phí tự chủ, tạo nguồn chi thu nhập tăng thêm ước khoảng trên 400.000 đồng/người/tháng.

c) Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng (*Quyết định số 16/QĐ-VP ngày 20/02/2023*).

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

a) Văn phòng đã ban hành Kế hoạch 1680/KH-VP ngày 03/10/2022 về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và kinh tế số, xã hội số năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

b) Đảm bảo kết nối ổn định trực liên thông văn bản điện tử của tỉnh và trực liên thông văn bản điện tử quốc gia trong việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số thông suốt; các phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tập trung, hệ thống Thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Thư điện tử công vụ... hoạt động ổn định và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại Văn phòng. Triển khai thuê dịch vụ vận hành Cổng Thông tin điện tử; Phòng họp không giấy tại Văn phòng; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cài đặt hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) tại Trung tâm Tích hợp Văn phòng UBND tỉnh.

c) Trong 6 tháng đầu năm 2023, đã cung cấp tổng cộng đã cung cấp 6.200 tin, bài, ảnh, video (trong đó, tiếng Việt khoảng 4.200 tin, bài ảnh; tiếng Anh có 2.000 tin, bài, ảnh trên) Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh, trong đó, tuyên truyền khoảng hơn 60 tin, bài về cải cách hành chính.

- Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được đăng tải kịp thời, công khai trên Cổng TTĐT tỉnh; đồng thời, tạo đường link tới Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi (<https://motcua.quangngai.gov.vn>).

- Ngoài ra, Cổng TTĐT tỉnh cũng thường xuyên đăng tải tin tức về công tác kiểm soát TTHC và hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp; tạo Baner “Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về Thủ tục hành chính” để cung cấp số điện thoại, địa chỉ mail,... của các sở, ban ngành và địa phương nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên hệ khi có nhu cầu trong giải quyết TTHC.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia 9001:2015 tại Văn phòng UBND tỉnh theo Kế hoạch số 1507/KH-VP ngày 14/11/2020 của Văn phòng UBND tỉnh.

*(Kèm theo Phụ lục Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại Văn phòng UBND tỉnh)*

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trong 6 tháng cuối năm 2023**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có chất lượng, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đơn giản hóa chế độ báo cáo; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

Triển khai kế hoạch kiểm tra đột xuất hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh

2. Tham mưu, trình UBND tỉnh các văn bản: sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; Quy chế làm việc của Ban cán sự đảng UBND tỉnh; Quyết định phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

3. Tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, cán bộ tại cơ quan, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức phù hợp với đề án vị trí việc làm và chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động.

4. Tăng cường và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí tại Trung tâm Công báo và Tin học. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý ngân sách, tài sản công và chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn cơ quan năm 2023.

6. Triển khai phần mềm Phòng họp không giấy tại Văn phòng. Kết nối, tích hợp Phần mềm theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao với Hệ thống thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ, đảm bảo sử dụng hiệu quả phần mềm để đạt kết quả cao trong việc theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao.

Văn phòng UBND tỉnh báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng năm



2023, đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- CT, PCT UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: BTV Đảng ủy, CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, CBTH;
- Lưu: VT, HCQT(b).

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Vũ Minh Tâm**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
**CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-VP ngày /6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý,<br>6 tháng, năm) | Kết quả thống kê                                      |               | Ghi chú  |
|----------|---|---|---------------|--|
|          |   | Đơn vị tính   | Số liệu       |  |
| <b>5</b> | <b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ,<br/>Thủ tướng Chính phủ giao</b>         |   |               | VP UBND<br>tỉnh tổng<br>hợp  |
| 5.1.     | Tổng số nhiệm vụ được giao  | Nhiệm vụ  | <b>118</b>    |  |
| 5.2.     | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn  | Nhiệm vụ  | <b>27</b>     |  |
| 5.3.     | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng<br>quá hạn                                | Nhiệm vụ  | <b>1</b>      |  |
| 5.4.     | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa<br>hoàn thành                              | Nhiệm vụ  | <b>0</b>      |  |
| <b>6</b> | <b>Khảo sát sự hài lòng của người<br/>dân, tổ chức</b>                    | Có = 1;<br>Không = 0                                  | <b>1</b>      | VP UBND<br>tỉnh tổng<br>hợp (khảo<br>sát sự hài<br>lòng của<br>người dân<br>khi thực<br>hiện TTHC<br>tại Trung<br>tâm PV-<br>KSTTHC) |
| 6.1      | Số lượng phiếu khảo sát   | Số lượng  | <b>14.390</b> |  |
| 6.2.     | Hình thức khảo sát  | Trực tuyến<br>= 0<br>Phát phiếu =<br>1<br>Kết hợp = 2 | <b>2</b>      |  |
| <b>7</b> | <b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với</b>                                 | Không = 0   | <b>1</b>      |  |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý,<br>6 tháng, năm) | Kết quả thống kê |         | Ghi chú |
|-----|---|------------------|---------|---------|
|     |   | Đơn vị tính      | Số liệu |         |
|     | <b>người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>                                  | Có = 1           |         |         |

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

| STT       | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6<br>tháng, năm)                   | Kết quả thống kê |               | Ghi chú<br>VP UBND<br>tỉnh tổng<br>hợp |
|-----------|---|------------------|---------------|--|
|           |   | Đơn vị<br>tính   | Số liệu       |  |
| <b>1.</b> | <b>Thống kê TTHC</b>  |                  |               |  |
| 1.1.      | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa  | Thủ tục          | <b>0</b>      |  |
| 1.2.      | Số TTHC công bố mới   | Thủ tục          | <b>29</b>     |  |
| 1.3.      | Số TTHC bãi bỏ, thay thế  | Thủ tục          | <b>33</b>     |  |
| 1.4.      | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương                                     | Thủ tục          | <b>2269</b>   |  |
| 1.4.1.    | Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)                                    | Thủ tục          | <b>1760</b>   |  |
| 1.4.2.    | Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)                                   | Thủ tục          | <b>336</b>    |  |
| 1.4.3.    | Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)                                      | Thủ tục          | <b>173</b>    |  |
| <b>2.</b> | <b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>   |                  |               |  |
| 2.1.      | Số TTHC liên thông cùng cấp   | Thủ tục          | <b>271</b>    |  |
| 2.2.      | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền   | Thủ tục          | <b>116</b>    |  |
| 2.3.      | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục          | <b>0</b>      |  |
| <b>3.</b> | <b>Kết quả giải quyết TTHC</b>  |                  |               |  |
| 3.1.      | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn                        | %                | <b>99,9%</b>  |  |
| 3.1.1.    | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong   | Hồ sơ            | <b>40.927</b> |  |
| 3.1.2.    | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn   | Hồ sơ            | <b>40.887</b> |  |

| STT    | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)         | Kết quả thống kê |                | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh tổng hợp |
|--------|--|------------------|----------------|----------------------------------|
|        |  | Đơn vị tính      | Số liệu        |                                  |
| 3.2.   | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn          | %                | <b>96,3%</b>   |                                  |
| 3.2.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong  | Hồ sơ            | <b>12.335</b>  |                                  |
| 3.2.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn  | Hồ sơ            | <b>11.880</b>  |                                  |
| 3.3.   | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn             | %                | <b>97,3%</b>   |                                  |
| 3.3.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong  | Hồ sơ            | <b>172.842</b> |                                  |
| 3.3.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn  | Hồ sơ            | <b>168.283</b> |                                  |
| 3.4.   | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC                   | %                | <b>100%</b>    |                                  |
| 3.4.1. | Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến) | PAKN             | <b>152</b>     |                                  |
| 3.4.2. | Số PAKN đã giải quyết xong   | PAKN             | <b>152</b>     |                                  |

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)              | Kết quả thống kê |             | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp |
|----------|---|------------------|-------------|--|
|          |   | Đơn vị tính      | Số liệu     |  |
| <b>3</b> | <b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b> | %                | <b>100%</b> |  |
| <b>6</b> | <b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>   |                  |             |  |
| 6.1.     | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3                           | %                | <b>100%</b> |  |
| 6.1.1.   | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3                              | Thủ tục          | <b>418</b>  |  |
| 6.1.2.   | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3   | Thủ tục          | <b>418</b>  |  |

| STT    | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)  | Kết quả thống kê |         | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp |
|--------|---|------------------|---------|--|
|        |   | Đơn vị tính      | Số liệu |  |
| 6.1.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến   | Thủ tục          | 148     |  |
| 6.2.   | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4   | %                | 100%    |  |
| 6.2.1. | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4  | Thủ tục          | 270     |  |
| 6.2.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4   | Thủ tục          | 270     |  |
| 6.2.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến   | Thủ tục          | 94      |  |
| 6.3.   | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia                                | %                | 100     |  |
| 6.3.1. | Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương  | Thủ tục          | 656     |  |
| 6.3.2. | Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia                                   | Thủ tục          | 70      |  |
| 6.4.   | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | %                | 70%     |  |
| 6.4.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)  | Hồ sơ            | 62.137  |  |
| 6.4.2. | Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến   | Hồ sơ            | 43.493  |  |
| 6.5.   | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến  | %                | 50,1%   |  |
| 6.5.1. | Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)                                | Thủ tục          | 526     |  |
| 6.5.2. | Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.            | Thủ tục          | 267     |  |